

## BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN

### DỰ ÁN: LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 20 ĐẦU HUYỆN VĂN QUAN

(kèm theo Quyết định số 1713 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 6/2024 cũ

Stt	Nội dung
<b>I</b>	<b>Chi phí trong đơn giá</b>
1	Bước 1. Điều tra, thu thập bổ sung thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa; phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tác động đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động sử dụng đất; kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện
2	Bước 2. Xây dựng điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện
3	Bước 3. Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện
4	Bước 4. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan
<b>II</b>	<b>Chi phí ngoài đơn giá</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí khác</b>
	<b>Tổng cộng:</b>

## 130 VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM

(của Chủ tịch UBND huyện Văn Quan)

<b>Dự toán thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>284.025.000</b>	
63.134.000	<i>Chi tiết theo biểu kèm theo</i>
163.254.000	
57.637.000	
<b>11.000.000</b>	
<b>295.025.000</b>	

**BIỂU 01: CHI TIẾT DỰ TOÁN**  
**LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU HUYỆN VĂN QUAN**  
*(kèm theo Quyết định số 1713 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 6/2024 của Chủ tịch UBND huyện Văn Quan)*

Đơn vị: đồng.

- Căn cứ Thông tư số 04/2006/TT-BTNMT ngày 22/5/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phương pháp tính đơn giá dự toán xây dựng dự toán kinh phí thực hiện lập và điều chỉnh quy hoạch kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 136/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;
- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 26/6/2024 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 06/2021/TT0BKHDT ngày 30/9/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết việc thu, nộp, quản lý và sử dụng các chi phí về đăng ký, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà thầu, nhà đấu tư trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, bảo đấu thầu.
- Căn cứ công văn số 433/UBND-KT ngày 06/4/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc thực hiện rà soát, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện.

STT	Nội dung	Chi phí trực tiếp					Chi phí QL chung (Nhóm III: 20% ngoại nghiệp; 15% nội nghiệp)	Thuế GTGT (8%)	Tổng cộng (làm tròn số)	Ghi chú
		Nhân công	Thiết bị	Dụng cụ	Vật liệu	Tổng cộng				
<b>I</b>	<b>Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch</b>	<b>194.543.752</b>	<b>13.924.276</b>	<b>10.047.668</b>	<b>9.198.052</b>	<b>227.713.748</b>	<b>35.270.448</b>	<b>21.038.734</b>	<b>284.025.000</b>	
1	Điều tra, thu thập bổ sung thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa	40.330.650	4.189.861	3.049.091	2.844.377	50.413.979	8.042.837	4.676.545	63.134.000	Phần II, Chương III, mục 2 Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT
-	Nội nghiệp	31.537.313	3.964.065	2.814.924	2.482.875	40.799.177	6.119.876	3.753.524	50.673.000	
-	Ngoại nghiệp	8.793.336	225.797	234.167	361.502	9.614.803	1.922.961	923.021	12.461.000	
2	Xây dựng điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	110.932.507	8.539.802	6.121.146	5.518.614	131.112.069	20.048.238	12.092.824	163.254.000	Phần II, Chương III, mục 2 Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT
-	Nội nghiệp	103.937.552	8.365.645	5.940.531	5.239.786	123.483.513	18.522.527	11.360.483	153.367.000	
-	Ngoại nghiệp	6.994.956	174.158	180.614	278.828	7.628.556	1.525.711	732.341	9.887.000	
3	Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Nội nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Ngoại nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan	43.280.595	1.194.612	877.432	835.061	46.187.700	7.179.373	4.269.365	57.637.000	Phần II, Chương III, mục 2 Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT
-	Nội nghiệp	38.580.310	1.105.534	785.051	692.446	41.163.341	6.174.501	3.787.027	51.125.000	
-	Ngoại nghiệp	4.700.284	89.078	92.381	142.615	5.024.359	1.004.872	482.338	6.512.000	
<b>II</b>	<b>Tư vấn lựa chọn nhà thầu</b>					<b>11.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.000.000</b>	
1	Lập hồ sơ mời thầu (0,2% giá gói thầu, tối thiểu 3 triệu đồng)					3.000.000			3.000.000	
2	Thẩm định hồ sơ mời thầu (0,1% giá gói thầu, tối thiểu 2 triệu đồng)					2.000.000			2.000.000	
3	Đánh giá hồ sơ dự thầu (0,2% giá gói thầu, tối thiểu 3 triệu đồng)					3.000.000			3.000.000	Điều 12 Nghị định 24/2024/NĐ-CP
4	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (0,1% giá gói thầu, tối thiểu 3 triệu đồng)					3.000.000			3.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>					<b>238.713.748</b>	<b>35.270.448</b>	<b>21.038.734</b>	<b>295.025.000</b>	